**BỘ CÂU HỎI/TRẢ LỜI VỀ NHỮNG VẪN ĐỀ THƯỜNG GẶP**

**TRONG QUÁ TRÌNH GIẢI QUYẾT TTHC**

**LĨNH VỰC HOẠT ĐỘNG TÍN DỤNG**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **STT** | **Câu hỏi** | **Câu trả lời** |
| 1 | Hồ sơ đề nghị khoanh nợ đối với tổ chức đầu mối thực hiện liên kết theo chuỗi giá trị, doanh nghiệp nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao bị thiệt hại do nguyên nhân khách quan, bất khả kháng theo quy định của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam bao gồm những gì? | Theo quy định tại Khoản 2 Điều 5 Thông tư 10/2015/TT-NHNN ngày 22/7/2015, hồ sơ đề nghị khoanh nợ,bao gồm:(i) Giấy đề nghị khoanh nợ do khách hàng vay vốn lập;(ii) Phương án phục hồi sản xuất kinh doanh khả thi trong thời gian khoanh nợ, phương án trả nợ sau thời gian khoanh nợ do khách hàng lập và được tổ chức tín dụng cho vay thẩm định, chấp thuận;(iii) Biên bản xác định thiệt hại do nguyên nhân khách quan, bất khả kháng đối với đối tượng vay vốn, ghi rõ mức độ bị thiệt hại về tài sản trên tổng số vốn thực hiện dự án, phương án sản xuất kinh doanh đề nghị vay vốn và số vốn vay bị thiệt hại, có xác nhận của tổ chức tín dụng cho vay và xác nhận của Ủy ban nhân dân cấp huyện (đối với hợp tác xã) hoặc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh (đối với doanh nghiệp, liên hiệp hợp tác xã);(iv) Bản sao hợp đồng tín dụng, khế ước vay vốn hoặc các giấy tờ nhận nợ khác có rút số dư nợ (gốc, lãi, tổng số) đến ngày đề nghị khoanh nợ có xác nhận của tổ chức tín dụng cho vay; (v) Các giấy tờ liên quan khác (nếu có). |
| 2 | Hồ sơ đề nghị khoanh nợ đối với trường hợp khách hàng bị thiệt hại về tài sản do thiên tai, dịch bệnh xảy ra trên phạm vi rộng bao gồm những giấy tờ gì? | Theo quy định tại khoản 2 Điều 5 Thông tư 10/2015/TT-NHNN ngày 22/7/2015, hồ sơ đề nghị khoanh nợ đối với trường hợp khách hàng bị thiệt hại về tài sản do thiên tai, dịch bệnh xảy ra trên phạm vi rộng bao gồm:(i) Giấy đề nghị khoanh nợ do khách hàng vay vốn lập;(ii) Văn bản thông báo tình trạng thiên tai, dịch bệnh trên phạm vi rộng của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh);(iii) Phương án phục hồi sản xuất kinh doanh khả thi trong thời gian khoanh nợ, phương án trả nợ sau thời gian khoanh nợ do khách hàng lập và được tổ chức tín dụng cho vay thẩm định, chấp thuận;(iv) Biên bản xác định thiệt hại do thiên tai, dịch bệnh xảy ra trên phạm vi rộng đối với đối tượng vay vốn, ghi rõ mức độ bị thiệt hại về tài sản trên tổng số vốn thực hiện dự án, phương án sản xuất kinh doanh đề nghị vay vốn và số vốn vay bị thiệt hại, có xác nhận của tổ chức tín dụng cho vay và xác nhận của cơ quan có thẩm quyền tại địa phương, cụ thể:- Khách hàng là doanh nghiệp, liên hiệp hợp tác xã: xác nhận của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh;- Khách hàng là hộ kinh doanh, hợp tác xã, chủ trang trại: xác nhận của Ủy ban nhân dân cấp huyện;- Khách hàng là cá nhân, hộ gia đình, tổ hợp tác: xác nhận của Ủy ban nhân dân cấp xã.(iv) Bản sao hợp đồng tín dụng, khế ước vay vốn hoặc các giấy tờ nhận nợ khác có rút số dư nợ (gốc, lãi, tổng số) đến ngày đề nghị khoanh nợ có xác nhận của tổ chức tín dụng cho vay; (v) Các giấy tờ liên quan khác (nếu có). |
| 3 | Trình tự thủ tục đề nghị chấp thuận mức cấp tín dụng tối đa vượt giới hạn của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài được quy định như thế nào? | Theo quy định tại Điều 6, Quyết định số 13/QĐ-TTg ngày 6/3/2018 của Thủ tướng Chính phủ quy định về điều kiện, hồ sơ, trình tự đề nghị chấp thuận mức cấp tín dụng tối đa vượt giới hạn của tổ chức tín dung, chi nhánh ngân hàng nước ngoài, trình tự đề nghị chấp thuận mức cấp tín dụng tối đa vượt giới hạn của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài như sau:(i) Tổ chức tín dụng lập 01 bộ hồ sơ theo quy định đề nghị chấp thuận mức cấp tín dụng tối đa vượt giới hạn gửi Ngân hàng Nhà nước.(ii) Trong thời hạn 15 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ của tổ chức tín dụng:- Trường hợp hồ sơ của tổ chức tín dụng không đáp ứng được các điều kiện theo quy định, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam có văn bản thông báo cho tổ chức tín dụng, trong đó ghi rõ các điều kiện mà tổ chức tín dụng chưa đáp ứng được.- Trường hợp hồ sơ của tổ chức tín dụng đã hợp lệ, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam có văn bản xin ý kiến các Bộ, ngành, địa phương có liên quan về các khía cạnh kinh tế - kỹ thuật - pháp lý của dự án, phương án và khách hàng đề nghị cấp tín dụng vượt giới hạn.(iii) Trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản xin ý kiến từ Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, các Bộ, ngành, địa phương có ý kiến bằng văn bản về các nội dung thuộc lĩnh vực quản lý của đơn vị mình gửi Ngân hàng Nhà nước Việt Nam. Trường hợp cần thiết, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam yêu cầu tổ chức tín dụng, khách hàng giải trình những vấn đề mà các Bộ, ngành, địa phương có ý kiến trong thời gian 7 ngày làm việc kể từ ngày Ngân hàng Nhà nước Việt Nam nhận được đầy đủ ý kiến tham gia của các Bộ, ngành, địa phương.(iv) Trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận được ý kiến của các Bộ, ngành, địa phương hoặc ý kiến giải trình của tổ chức tín dụng, khách hàng, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam kiểm tra tính hợp lý, hợp lệ của hồ sơ cấp tín dụng vượt giới hạn do tổ chức tín dụng cung cấp và trình Thủ tướng Chính phủ xem xét, quyết định đối với đề nghị cấp tín dụng vượt giới hạn của tổ chức tín dụng.(v)Trong thời hạn 5 ngày làm việc kể từ ngày nhận được ý kiến bằng văn bản của Thủ tướng Chính phủ, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam thông báo ý kiến của Thủ tướng Chính phủ cho tổ chức tín dụng biết, thực hiện. |
| 4 | Tổ chức tín dụng được đề nghị cấp tín dụng vượt giới hạn phải đáp ứng những điều kiện gì? | Theo quy định tại Khoản 2 Điểu 3 Quyết định số 13/QĐ-TTg ngày 6/3/2018 của Thủ tướng Chính phủ, các tổ chức tín dụng phải đáp ứng các điều kiện sau:(i) Về cấp tín dụng hợp vốn:- Đã đề xuất và thực hiện các thủ tục cần thiết theo quy định của pháp luật về việc cấp tín dụng hợp vốn đối với dự án, phương án đề nghị cấp tín dụng vượt giới hạn mà khả năng hợp vốn của các tổ chức tín dụng chưa đáp ứng được yêu cầu vay vốn của một khách hàng; hoặc- Đã phát hành thư mời hợp vốn tới ít nhất 5 tổ chức tín dụng khác, đăng trên trang thông tin điện tử chính thức của tổ chức tín dụng, các phương tiện thông tin đại chúng trong thời gian ít nhất 30 ngày làm việc nhưng không có tổ chức tín dụng khác tham gia hợp vốn.(ii) Tại thời điểm đề nghị cấp tín dụng vượt giới hạn, tổ chức tín dụng đáp ứng các yêu cầu về giới hạn, tỷ lệ bảo đảm an toàn trong hoạt động theo quy định của Luật các tổ chức tín dụng và các quy định pháp luật có liên quan;(iii) Thực hiện đầy đủ các yêu cầu liên quan đến trách nhiệm, nghĩa vụ được nêu tại hồ sơ đề nghị cấp tín dụng vượt giới hạn và các văn bản phê duyệt chấp thuận cấp tín dụng vượt giới hạn trước đó;(iv) Đảm bảo giới hạn cấp tín dụng quy định tại Khoản 8 Điều 128 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010 khi tính cả Khoản cấp tín dụng vượt giới hạn đang đề nghị. |
| 5 | Khách hàng vay vốn, dự án, phương án được đề nghị cấp tín dụng vượt giới hạn phải đáp ứng các điều kiện gì? | Theo quy định tại Khoản 1 Điểu 3 Quyết định số 13/QĐ-TTg ngày 6/3/2018 của Thủ tướng Chính phủ, khách hàng vay vốn, dự án, phương án được đề nghị cấp tín dụng vượt giới hạn đáp ứng các điều kiện sau:(i) Khách hàng đáp ứng đủ điều kiện cấp tín dụng theo quy định của pháp luật, không có nợ xấu trong 03 năm gần nhất liền trước năm đề nghị cấp tín dụng vượt giới hạn, có hệ số nợ phải trả không quá ba lần vốn chủ sở hữu được ghi trên báo cáo tài chính quý hoặc báo cáo tài chính năm của khách hàng tại thời điểm gần nhất với thời điểm đề nghị cấp tín dụng vượt giới hạn;(ii) Khách hàng có nhu cầu vốn để thực hiện các dự án, phương án sản xuất kinh doanh nhằm thực hiện nhiệm vụ phát triển kinh tế xã hội thuộc một trong các trường hợp sau:- Triển khai các dự án, phương án có ý nghĩa kinh tế - xã hội quan trọng, cấp thiết nhằm thực hiện nhiệm vụ phát triển kinh tế xã hội, phục vụ nhu cầu thiết yếu của đời sống nhân dân thuộc các ngành, lĩnh vực: điện, than, dầu khí, xăng dầu, giao thông, vận tải công cộng và các lĩnh vực khác theo chỉ đạo của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ từng thời kỳ.- Triển khai các chương trình, dự án đầu tư được Quốc hội hoặc Thủ tướng Chính phủ quyết định chủ trương đầu tư.- Đầu tư vào các lĩnh vực ưu tiên, khuyến khích theo Nghị quyết của Quốc hội, Chính phủ về phát triển kinh tế xã hội trong từng thời kỳ.(iii) Dự án, phương án đề nghị cấp tín dụng vượt giới hạn đã được tổ chức tín dụng thẩm định là đảm bảo khả thi, khách hàng có khả năng trả nợ và quyết định cấp tín dụng; đáp ứng các quy định hiện hành về đầu tư và xây dựng, phù hợp với quy hoạch, kế hoạch sản xuất kinh doanh và đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt hoặc cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư. |
| 6 | Hồ sơ đề nghị cấp tín dụng vượt giới hạn gồm những giấy tờ gì? | Theo quy định tại Điều 4 Quyết định số 13/QĐ-TTg ngày 6/3/2018 của Thủ tướng Chính phủ, hồ sơ đề nghị cấp tín dụng vượt giới hạn bao gồm: \* Hồ sơ tổ chức tín dụng báo cáo Ngân hàng Nhà nước Việt NamHồ sơ đề nghị cấp tín dụng vượt giới hạn của tổ chức tín dụng đối với một khách hàng, một khách hàng và người có liên quan gửi Ngân hàng Nhà nước Việt Nam là bản sao được cấp từ sổ gốc hoặc bản sao có dấu xác nhận của tổ chức tín dụng, bao gồm:(i) Văn bản của tổ chức tín dụng đề nghị Ngân hàng Nhà nước Việt Nam báo cáo Thủ tướng Chính phủ cho phép cấp tín dụng vượt giới hạn đối với một khách hàng, một khách hàng và người có liên quan theo mẫu tại Phụ lục đính kèm Quyết định này;(ii) Các hồ sơ, tài liệu chứng minh tổ chức tín dụng đã đáp ứng Điều kiện tại điểm a Khoản 2 Điều 3 Quyết định này;(iii) Văn bản thẩm định của tổ chức tín dụng đối với khách hàng, dự án, phương án vay vốn của khách hàng;(iv) Văn bản phê duyệt cấp tín dụng đối với khách hàng của cấp có thẩm quyền của tổ chức tín dụng đề nghị;(v) Văn bản đề nghị được cấp tín dụng tại tổ chức tín dụng của khách hàng;(vi) Hồ sơ pháp lý liên quan đến khách hàng đề nghị cấp tín dụng, bao gồm: Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, báo cáo tài chính đã được kiểm toán của 03 năm liền trước năm đề nghị, các tài liệu liên quan khác;(vii) Hồ sơ pháp lý liên quan đến dự án, phương án đề nghị cấp tín dụng, bao gồm:- Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư hoặc văn bản phê duyệt, chấp thuận dự án, phương án của cấp có thẩm quyền.- Các tài liệu có liên quan khác.(viii) Báo cáo về tình hình quan hệ tín dụng và nhu cầu cấp tín dụng vượt giới hạn của một khách hàng, một khách hàng và người có liên quan theo Mẫu biểu số 01 tại Phụ lục đính kèm Quyết định này.\* Hồ sơ Ngân hàng Nhà nước Việt Nam báo cáo Thủ tướng Chính phủ bao gồm Tờ trình của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam kèm theo các tài liệu sau:(i) Văn bản của tổ chức tín dụng đề nghị Ngân hàng Nhà nước Việt Nam báo cáo Thủ tướng Chính phủ cho phép cấp tín dụng vượt giới hạn đối với một khách hàng, một khách hàng và người có liên quan;(ii) Văn bản tham gia ý kiến của các bộ, ngành, địa phương có liên quan;(iii) Văn bản giải trình của tổ chức tín dụng, khách hàng;(iv) Các tài liệu có liên quan khác. |